

Số: **4354**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **24** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 185/TTr-SKH-TH ngày 22/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 (đợt 1) như các biểu đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo hướng dẫn hạng mục, cơ cấu vốn đầu tư các dự án được bố trí vốn; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Chủ đầu tư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng: KT, TM, KG-VX VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSTW				
-	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	Toàn tỉnh		074	96 PHT, 36 phòng NTBT; 01 trường THPT	22-25	72/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; 2848/QĐ-UBND ngày 04/10/2021; 3707/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	130.000	130.000	130.000		90.000	
4	Y tế, dân số và gia đình								150.000	150.000	150.000	10.000	60.000	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Hạng mục: Trung tâm tâm thần kinh và hệ thống thiết bị xạ trị		Đông Hà	7883129	132		21-24	90/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 45/QĐ-HĐND ngày 12/5/2021 1309/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	150.000	150.000	150.000	10.000	60.000	
+	Hợp phần xây dựng	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh				Xây dựng 1.056m2			26.115	26.115		9.836	10.000	
+	Hợp phần thiết bị	Sở Y tế				thiết bị xạ trị			123.885	123.885		164	50.000	
5	Văn hóa, thông tin								172.250	131.250	131.250	25.500	31.664	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	7839427	161	1.680m2	21-24	4606/QĐ-UBND 28/12/2020; 1394/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của huyện VL	71.000	30.000	30.000	25.500	1.664	
	Dự án khởi công mới năm 2022													
-	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh (hạng mục: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vịnh Mốc)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	TP, VL, QT		161	Cải tạo, nâng cấp 02 DT, xây mới bảo tàng 2.100 m2	22-25	71/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; 2960/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	101.250	101.250	101.250		30.000	Thực hiện DATP 1: Khu lưu niệm tổng bí thư Lê Duẩn
6	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								285.114	255.000	195.000	131.180	73.820	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số					Trong đó: NSTW
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Ban dân tộc tỉnh	Hướng Hóa	7580144	309	20km	18-22	1901/QĐ-UBND 12/8/2016 1723/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	80.114	50.000	35.000	27.580	22.420	
-	Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	Vĩnh Linh	7840812	283	9,9 km	20-22	2217/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 2763/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	50.000	50.000	25.000	45.800	4.200	
-	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Vịnh Mốc, Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	Vĩnh Linh	7840810	283	0,57 km	20-22	2215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 2554/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	30.000	30.000	20.000	28.800	1.200	
-	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Cửa Việt	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	Gio Linh	7840811	283	1,6km	20-22	2216/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 2836/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	30.000	30.000	20.000	29.000	1.000	
	Dự án khởi công mới năm 2022													
-	Kè chống xói lở khẩn cấp các đoạn sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	GL, VL, TP, CL, ĐK, QT		283	7 km	22-25	23/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 4246/QĐ-UBND 15/12/2021	95.000	95.000	95.000		45.000	
7	Giao thông								7.803.132	3.238.246	3.003.993	484.453	629.800	
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Đường biên giới Khe sanh Sa Trầm (ĐT.587) - Giai đoạn 1	Sở Giao thông vận tải	Hướng Hóa	7668979	309	3980m	20-22	2219/QĐ-UBND ngày 11/8/2020	23.000	20.000	11.000	11.200	8.800	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị	Sở NN&PTNT	TP, QT	7746454	309	7,498 km	18-22	2514/QĐ-UBND 30/10/2018	80.000	30.000	10.000	20.000	10.000	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Sở KH&ĐT	ĐH, HH	7411898	312	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019; 2780/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 971/QĐ-UBND 27/4/2021	2.446.087	260.753	65.500	201.753	59.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSTW				
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	Sở KH&ĐT	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	7663996	312	3 hợp phần	18-23	2293/TTg-HTQT ngày 20/12/2016; 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	136.075	136.075	10.000	43.000	
	Đường giao thông nối QL9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	Gio Linh	7584844	309	7550 m	20-23	1906/QĐ-UBND 12/8/2016 933/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	80.373	58.000	48.000	28.000	10.000	
-	Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Đông Hà	Đông Hà	7583332	309	1651,7m	21-24	74/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 1167/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Tp Đông Hà	201.210	150.000	150.000	58.500	16.500	+ NS thành phố
-	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	Gio Linh	7908464	309	GPMB: 11,1ha; TĐC: 5,2 ha	21-24	104/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 2441/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	80.150	80.150	80.150	5.000	25.000	
-	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	ĐH, TP, GL, VL	7894373	309	55,7 km	21-25	105/NQ-HĐND 9/12/2020 40/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 16/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 4842/QĐ-UBND 17/12/2021	2.060.000	1.643.612	1.643.612	150.000	320.000	
-	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	Sở Giao thông vận tải	Vĩnh Linh, Gio Linh	7906534	309	15 km đường, 01 cầu dài 110 m	21-24	11/NQ-HĐND ngày 21/3/2021; 135/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 2961/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	229.156	129.156	129.156		15.000	
	Dự án khởi công mới năm 2022													

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số					Trong đó: NSTW
-	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Quảng Trị	Quảng Trị		309	đường: 4km; kè 1,5km	22-25	113/NQ-HĐND ngày 04/6/2021 1206/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Tx Quảng Trị	140.000	120.000	120.000		20.000	
-	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		309	đường: 4,54km; sân vui chơi: 5000m2	22-25	10/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 5052/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của huyện V.Linh	110.000	82.500	82.500		15.000	
-	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	Triệu Phong		309	8,6 km	22-25	20/NQ-HĐND ngày 08/6/2021 2988/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của huyện TP	140.000	120.000	120.000		20.000	
-	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Cam Lộ	Cam Lộ		309	17,4 km	22-25	23/NQ-HĐND ngày 10/6/2021 2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện C.Lộ	140.000	120.000	120.000		20.000	
-	Cầu Cầu Nhi - Hải Tân, đường Thượng Xá - Trà Lộc (DH,50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phương Lang (DH.50a)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hải Lăng	Hải lăng		309	Cầu dài 105m; đường dài 14,7 km	22-25	08/NQ-HĐND ngày 14/6/2021 797/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện HL	140.000	110.000	110.000		20.000	
-	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	ĐK, HH		309	02 Hợp phần	21-24	218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021 4048/QĐ-UBND 7/12/2021 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	935.004	178.000	178.000		27.500	
8	Khu công nghiệp và khu kinh tế								204.000	195.000	183.777	80.177	46.180	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Ban quản lý Khu Kinh tế	Hải Lăng	7838819	309	23,87 ha	20-23	3006/QĐ-UBND ngày 20/10/2020; 1502/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	110.000	110.000	98.777	39.933	30.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSTW				
-	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Ban quản lý Khu Kinh tế	Đakrông	7898160	309	bãi xuất 2,45ha; bãi nhập 0,67 ha; đường GT, HTTN	21-24	94/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 43/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	94.000	85.000	85.000	40.244	16.180	
9	Kho tàng								50.194	38.630	38.630	10.000	7.500	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	Đồng Hà	7258982	309	4399 m2	21-24	92/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 38/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 1330/QĐ-UBND 28/5/2021	50.194	38.630	38.630	10.000	7.500	
10	Công nghệ thông tin								47.000	27.000	27.000	10.000	17.000	
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Sở Thông tin và Truyền thông	Toàn tỉnh	7623167	314	10 hạng mục	18-22	2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 1567/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	47.000	27.000	27.000	10.000	17.000	

Biểu số 02
DANH MỤC DỰ ÁN ODA SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022
 (Kèm theo Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	TMĐT					
											Trong đó:					
											Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
											Quy đổi ra tiền Việt					
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại														

	TỔNG SỐ								4.631.842	1.061.729	3.570.120	3.103.770	466.349	1.623.692	405.418	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC															
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản															
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022															
(1)	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	7654883	VL, GL, HL, ĐH, CL, HH	016	Sở NN & PTNT	2017-2022	14 công trình hồ, đập	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 1241/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	226.710	11.921	214.789	199.749	15.040	64.513	3.215	
2	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															
(1)	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Trị	7750871	VL, GL, TP, HL	282	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	2019-2023	PH&PT rừng ven biển (7.917 ha), tạo lợi ích bền vững từ RVB	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019; 286/QĐ-BNN-QHQT ngày 21/01/2019; 4147/UBND-NN ngày 11/9/2020	248.443	72.982	175.461	140.369	35.092	139.356	56.140	
II	Giao thông															
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022															
(1)	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông	7411898	ĐH, HH	312	Sở KH&ĐT	2013-2022	Phát triển đô thị: Đông Hà, Lao bảo	2830/QĐ-UBND 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019; 2780/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 971/QĐ-UBND 27/4/2021	2.446.087	618.424	1.827.663	1.799.363	28.300	653.929	137.295	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	TMĐT					
											Trong đó:					
											Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
											Quy đổi ra tiền Việt					
			Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
(1)	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	7593697	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	309	Sở GTVT	2016-2023	Xây dựng 99,92 km đường; Bảo dưỡng 2.459 km; XD, nâng cấp, cải tạo 52 cầu	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	219.110	16.110	203.000	162.400	40.600	36.231	19.985	Bộ GTVT đã trình TTgCP điều chỉnh CTĐT tại Tờ trình số 7965 ngày 04/8/2021 và số 13019 ngày 07/12/2021
2	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															
(1)	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	7663996	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	312	Sở KH&ĐT	2018-2023	3 hợp phần	2293/TTg-HTQT ngày 20/12/2016; 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017, 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	255.679	742.473	493.493	248.980	433.469	46.500	
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															
(1)	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Công mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị	7740197	Gio Linh	309	Sở VHTT &DL	2018-2024	Bãi tắm CĐ; Hệ thống XLNT, VSMT	1381/QĐ-TTg 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	217.043	173.634	43.409	173.634	95.283	
III	Y tế, dân số và gia đình															
1	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															
(1)	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	7768216	Toàn tỉnh	132	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	2020-2024	XD&CT các TYT; Cung cấp TTB y tế; Đào tạo ĐNNL y tế tuyến cơ sở	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.042	31.035	120.014	72.054	47.960	68.454	30.000	
IV	Tài nguyên môi trường															
1	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022															
(1)	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị	7623879	Toàn tỉnh	332	Sở TN&MT	2017-2023	03 hợp phần	424/QĐ-UBND 08/3/2017 1641/QĐ-UBND 07/7/2021 2139/QĐ-TTg 20/12/2021	84.187	14.510	69.677	62.709	6.968	54.106	17.000	